TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1142/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 18 tháng 9 năm 2017.
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Duy Trung.**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Phạm Thị Ngọc.**
2. Ông **Lê Văn Rồi.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Văn Bé**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Ngọc Ánh** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 511/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Cao Hoàng K**, sinh năm 1987 (có mặt).
Địa chỉ: Đường M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị Thanh H,** sinh năm 1985 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Đường M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Cao Hoàng K trình bày: Ông và bà Phạm Thị Thanh H tự nguyện sống chung vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, cả hai sống riêng ở nhà của mỗi bên, ít khi sống chung.

Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về tiền bạc, lối sống không còn phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cải vã, cả hai ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Nay, ông không còn tình cảm với bà H, ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: có 01 con chung tên Cao Hoàng Q sinh ngày 23/12/2012, hiện đang sống với bà H. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không thay đổi lời trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Cao Hoàng K yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Thanh H nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét bà H có nơi cư trú tại địa chỉ: xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bà H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông K ly hôn với bà H vì cả hai thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về tiền bạc, bất đồng quan điểm sống, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 đăng ký ngày 14/4/2016.

Xét bà Hồng đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng, ý kiến của mình, chứng tỏ bà H không quan tâm đến việc ông K làm đơn yêu cầu ly hôn và không có giải pháp nào để hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông K và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét ông K khai có 01 con chung tên Cao Hoàng Q sinh ngày 23/12/2012. Trong quá trình giải quyết, ông K đồng ý giao 01 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Xét đây là sự tự nguyện của ông K nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: ông K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: ông K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn nên ông K phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Do ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên ông K phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều: 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Cao Hoàng K. Ông K được ly hôn với bà Phạm Thị Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27 đăng ký ngày 14/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp nuôi 01 con chung tên Cao Hoàng Q sinh ngày 23/12/2012. Ông K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông K không thi hành cấp dưỡng số tiền trên thì ông K còn phải trả cho bà H tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm cấp dưỡng tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung: Ông K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông K xác định không có nghĩa vụ dân sự chung.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông K chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006543 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi ngày 04 tháng 5 năm 2017. Ông K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông K chịu.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ; các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã N, h. P, Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Trung